

KẾ HOẠCH

Phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Công nghiệp công nghệ số ngày 14/6/2025;
- Luật Công nghệ cao ngày 10/12/2025;
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025;
- Quyết định số 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn 2045;
- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của BCH Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Thông báo kết luận số 76-KL/TU ngày 28/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 28.

II. THỰC TRẠNG

1. Thực trạng doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh

Theo số liệu thống kê, đến nay Hà Tĩnh có 47.144 hộ sản xuất kinh doanh và 14.788¹ doanh nghiệp đăng ký thành lập (số doanh nghiệp hiện đang hoạt động là 11.980), trong đó có khoảng 295 doanh nghiệp công nghệ số (chiếm khoảng 2%). Các doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, cung cấp dịch vụ công nghệ thông tin, phát triển phần mềm, giải pháp chuyển đổi số, phân phối thiết bị điện tử, công nghệ thông tin. Trong đó, nổi bật là 04

¹ Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: 2785 doanh nghiệp, chiếm 18,7%; lĩnh vực công nghiệp và xây dựng: 5004 doanh nghiệp, chiếm 33,8%; lĩnh vực thương mại-dịch vụ: 7026 doanh nghiệp, chiếm 47,5%.

doanh nghiệp viễn thông lớn (Viettel, VNPT, Mobifone, FPT) chiếm lĩnh thị trường dịch vụ công nghệ thông tin, IoT, AI, Cloud và một số doanh nghiệp công nghệ thông tin quy mô nhỏ và vừa cung cấp, phát triển các phần mềm, giải pháp chuyển đổi số và phân phối thiết bị công nghệ thông tin. Cụ thể:

- Cơ cấu doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hiện nay chủ yếu là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số, chiếm khoảng 85-90%, trong khi doanh nghiệp có khả năng sản xuất, phát triển sản phẩm công nghệ số chỉ chiếm khoảng 10-15%.

- Doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh chủ yếu quy mô nhỏ, thiếu tính bền vững và chưa hình thành được lực lượng doanh nghiệp nòng cốt. Chỉ có khoảng 20% doanh nghiệp có năng lực phát triển phần mềm và cung cấp dịch vụ phần mềm, số còn lại chủ yếu kinh doanh bán lẻ trang thiết bị công nghệ số.

- Khoảng 30% doanh nghiệp có khả năng duy trì được đội ngũ nhân lực công nghệ tương đối ổn định, khoảng 70% doanh nghiệp còn lại gặp khó khăn trong thu hút và giữ chân nhân lực do hạn chế về thu nhập, môi trường làm việc và cơ hội phát triển. Bên cạnh đó, nguồn nhân lực chất lượng cao mới chỉ đáp ứng khoảng 30 - 40% nhu cầu thực tế, tạo ra điểm nghẽn lớn trong phát triển sản phẩm và cung cấp dịch vụ công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

2. Thực trạng ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số trong doanh nghiệp Hà Tĩnh

- Gần 100% doanh nghiệp nội địa của tỉnh đã ứng dụng phần mềm kế toán, nhưng có tới gần 90% doanh nghiệp chưa ứng dụng các phần mềm quản lý nguồn lực, quản lý dây chuyền sản xuất, quản lý khách hàng...; có khoảng 10% doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ số trong quản trị và sản xuất kinh doanh, riêng lĩnh vực có điều kiện thuận lợi như du lịch, mức độ ứng dụng công nghệ số trong doanh nghiệp đã đạt khoảng 60%. Đặc biệt, số doanh nghiệp có khả năng tự quản trị, vận hành các phần mềm, nền tảng công nghệ số phục vụ hoạt động thường xuyên của mình chiếm tỷ lệ rất thấp (khoảng dưới 10%).

- Khoảng 40% doanh nghiệp đã phát sinh nhu cầu và từng bước tham gia thị trường công nghệ số, còn lại khoảng 60% doanh nghiệp chưa hình thành nhu cầu rõ ràng hoặc chưa sẵn sàng đầu tư do hạn chế nguồn lực, chi phí và nhận thức về vai trò công nghệ số.

3. Thuận lợi, khó khăn

a. Thuận lợi

- Hạ tầng công nghiệp quy mô lớn với các khu kinh tế (KKT) - khu công nghiệp (KCN) trọng điểm như: KKT Vũng Áng, KKT Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, KCN Vũng Áng 1, KCN Gia Lách, KCN Phú Vinh, KCN Hoành Sơn, KCN Bắc Thạch Hà, KCN Gia Lách mở rộng, KCN Vinhomes mở rộng và hệ thống 26 Cụm công nghiệp trải rộng trên địa bàn toàn Hà Tĩnh tạo nền tảng cho việc triển khai các dự án công nghệ số trong sản xuất, cũng như tạo nhu cầu, dư địa về thị trường ứng dụng công nghệ số.

- Hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông khá đồng bộ, mạng lưới cáp quang, hạ tầng viễn thông băng rộng di động 4G/5G đã phủ sóng 99,8% khu vực dân cư cơ bản đáp ứng tốt mọi nhu cầu kết nối triển khai các giải pháp công nghệ số, triển khai, dịch vụ trực tuyến.

- Nguồn nhân lực trẻ, có khả năng tiếp nhận nhanh các công nghệ mới, tham gia phát triển sản phẩm số và vận hành các nền tảng số; con em người Hà Tĩnh theo học các ngành về công nghệ thông tin và đang làm việc về lĩnh vực công nghệ thông tin ở trong nước và nước ngoài khá nhiều và có khả năng thu hút về làm việc hoặc hợp tác làm việc.

- Có một số tập đoàn lớn (như Formosa, Vinfest, VSIP,...) về đầu tư tại Hà Tĩnh, tạo tiền đề hình thành hệ sinh thái thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hợp tác nghiên cứu - phát triển và phát triển các sản phẩm chiến lược quốc gia.

b. Một số hạn chế, khó khăn

- Về hạ tầng: chưa có các trung tâm dữ liệu (Data Center) quy mô lớn; chưa có cơ sở hạ tầng chuyên dụng cho việc nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển các sản phẩm, công nghệ lõi như trí tuệ nhân tạo (AI), internet vạn vật (IoT), thiết bị bay không người lái có ứng dụng AI, robot,...; chưa hình thành Khu Công nghệ số tập trung, Tổ hợp công nghệ cao,... để thu hút dự án công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số và triển khai cơ chế thử nghiệm "sandbox"...

- Về nguồn lực: thiếu hụt nghiêm trọng về số lượng và chất lượng nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao. Số lượng nhân lực trình độ cao (tiên sĩ, thạc sĩ, kỹ sư chất lượng cao các chuyên ngành AI, bán dẫn, Big Data, IoT, Robot, Blockchain,...) còn rất hạn chế so với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp công nghệ số².

- Về năng lực nghiên cứu, làm chủ và tiếp nhận công nghệ lõi, công nghệ chiến lược: năng lực nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ lõi của tỉnh còn yếu, đặc biệt trong các lĩnh vực như AI, Big Data, IoT, Robot, Blockchain và bán dẫn. Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về lĩnh vực này mới chỉ dừng lại ở nghiên cứu tiếp cận ứng dụng AI cơ bản trong một số lĩnh vực.

- Về năng lực tài chính, quản trị của doanh nghiệp: nhiều doanh nghiệp nhỏ và vừa chưa áp dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, quản lý và bán hàng; việc đào tạo nguồn nhân lực sử dụng công nghệ số; đầu tư hạ tầng số (phần mềm, thiết bị, kết nối) để nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn hạn chế. Chưa có kinh nghiệm quản trị chuyên nghiệp, đặc biệt là quản trị rủi ro, marketing và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn.

² Khảo sát 12 doanh nghiệp: Có 03 doanh nghiệp viễn thông lớn (Viettel, VNPT, Mobifone): 50-60 người/doanh nghiệp; doanh nghiệp quy mô vừa 10-15 người; doanh nghiệp nhỏ từ 4-7 người. Tỷ lệ doanh nghiệp có nhân sự chuyên sâu về AI/ An toàn thông tin/Cloud: 58,3% (7/12), nhưng tập trung chủ yếu ở 3 doanh nghiệp viễn thông lớn. Các doanh nghiệp nhỏ hầu như không có nhân sự chuyên sâu về AI, an toàn thông tin. Nhu cầu tuyển dụng thêm nhân sự CNTT trong 12 tháng tới: 83% doanh nghiệp có nhu cầu (10/12), mức tuyển từ 1-5 người/doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Về chính sách: chính sách của tỉnh được đánh giá tương đối đồng bộ, nhưng thực tế triển khai hỗ trợ, khả năng hấp thụ còn rất hạn chế, đặc biệt là hỗ trợ khởi nghiệp công nghệ và tiếp cận vốn cho doanh nghiệp nhỏ. Chính sách chưa đủ hấp dẫn, đột phá để thu hút các nhà đầu tư lớn trong lĩnh vực công nghệ số, hoặc chưa phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ.

- Về liên kết, hợp tác trong nghiên cứu và phát triển: Mạng lưới liên kết “3 nhà” (Nhà nước - Nhà trường, viện nghiên cứu - Nhà doanh nghiệp) còn chưa chặt chẽ và hiệu quả. Thiếu các tổ chức trung gian và không gian hợp tác để thúc đẩy sự kết nối, trao đổi ý tưởng, thúc đẩy phát triển thị trường khoa học công nghệ nói chung và thị trường công nghệ số nói riêng trong cộng đồng doanh nghiệp. Chưa hình thành và phát triển vườn ươm khoa học công nghệ, công nghệ số; các Trung tâm nghiên cứu và phát triển, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo AI...

III. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. Quan điểm

- Cụ thể hóa các nội dung về phát triển công nghiệp công nghệ số, kinh tế số tại Hà Tĩnh theo Nghị quyết 57-NQ/TW, Luật Công nghiệp công nghệ số, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2026-2030, Quyết định 840/QĐ-TTg ngày 13/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ bằng các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của tỉnh, gắn với kế hoạch tổ chức thực hiện theo kết quả, lộ trình cụ thể và trách nhiệm tổ chức thực hiện của các tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển doanh nghiệp công nghệ số là một trong những giải pháp quan trọng trong đổi mới mô hình tăng trưởng từ chiều rộng sang chiều sâu, gắn với các định hướng chiến lược, đột phá của tỉnh: “một trung tâm động lực”, “ba hành lang kinh tế”, “bốn ngành trọng điểm”, “ba vùng đô thị”. Doanh nghiệp công nghệ số không chỉ là một ngành kinh tế đơn thuần mà là lực lượng tiên phong, hạt nhân nòng cốt để tỉnh Hà Tĩnh thực thi các nhiệm vụ về chuyển đổi số, phát triển kinh tế số và là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đạt mức hai con số.

- Lấy doanh nghiệp làm trung tâm của hệ sinh thái công nghệ số; xác định khu vực kinh tế tư nhân là động lực quan trọng nhất để phát triển doanh nghiệp công nghệ số và công nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp dẫn dắt đầu tư nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ chiến lược và tham gia giải quyết các bài toán lớn của tỉnh.

- Tạo môi trường đầu tư năng động, thuận lợi, gắn với đa dạng hoá hoạt động xúc tiến đầu tư nhằm thu hút các doanh nghiệp công nghệ số có tiềm lực trong và ngoài nước đầu tư tại Hà Tĩnh. Thúc đẩy, phát triển các doanh nghiệp công nghệ số, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số thông qua cơ chế, chính sách đặt hàng, tài trợ, hỗ trợ chuyển giao công nghệ nhằm giải quyết các bài toán cụ thể của địa phương bằng ứng dụng công nghệ số; tạo lập thị trường bước đầu để nuôi dưỡng doanh nghiệp công nghệ số, đưa doanh nghiệp công nghệ số trở

thành động lực quan trọng thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và kinh tế tuần hoàn trên địa bàn tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài là yếu tố then chốt, đột phá bảo đảm đồng bộ với phát triển hệ sinh thái ngành, gắn kết chặt chẽ theo mô hình "Nhà nước - Nhà trường, viện nghiên cứu - Doanh nghiệp" trong đào tạo và sử dụng nhân lực công nghiệp công nghệ số.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các xu thế phát triển công nghệ số trong nước và quốc tế, làm cơ sở để điều chỉnh kịp thời cơ chế, chính sách và định hướng phát triển doanh nghiệp công nghệ số linh hoạt, nhưng vẫn bảo đảm bám sát chiến lược, quy hoạch và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Hà Tĩnh theo hướng lấy nhu cầu thực tiễn của tỉnh và thị trường làm trung tâm; tập trung phát triển, làm chủ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số phục vụ các lĩnh vực có lợi thế trên địa bàn tỉnh như công nghiệp, năng lượng, logistics, cảng biển, cửa khẩu, nông nghiệp, văn hóa, du lịch và môi trường, qua đó hình thành lực lượng doanh nghiệp công nghệ số có tiềm lực tham gia trực tiếp giải quyết các bài toán phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, từng bước mở rộng ra thị trường trong nước và quốc tế, đóng góp thiết thực vào tăng trưởng GRDP và phát triển kinh tế số bền vững.

2.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Hình thành 03 - 05 doanh nghiệp công nghệ số nòng cốt của tỉnh có năng lực phát triển, tích hợp và vận hành nền tảng số, nền tảng dữ liệu, nền tảng AI phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ số.

- Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh tương đương mức trung bình của các tỉnh trong khu vực Bắc Trung bộ. Trên 60% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số³.

- Có ít nhất 03 sản phẩm nền tảng/giải pháp số do doanh nghiệp công nghệ số trong tỉnh phát triển được ứng dụng hiệu quả để giải quyết trực tiếp các bài toán lớn của tỉnh (đô thị, nông thôn mới thông minh, môi trường, logistics, y tế, giáo dục, du lịch, ...); phấn đấu mỗi năm có 2-3 bài toán lớn của các ngành, lĩnh vực được triển khai.

- Nghiên cứu hình thành Trung tâm/không gian đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; có tối thiểu 03 vườn ươm/khu làm việc chung/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo⁴.

- Phấn đấu thực hiện tối thiểu 01 hoạt động cấp phép và triển khai thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ phù hợp điều kiện thực tiễn phát triển công nghiệp công nghệ số nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hoàn thiện khung pháp lý về công nghiệp công nghệ số.

³ Theo Chương trình số 42 Ctr/TU ngày 10/4/2025 của BTV Tỉnh ủy.

⁴ Theo Chương trình số 42 Ctr/TU ngày 10/4/2025 của BTV Tỉnh ủy.

- Cơ bản hoàn thiện Công Dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh; 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh thực hiện công bố, chia sẻ dữ liệu (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) để cộng đồng doanh nghiệp khai thác, phát triển sản phẩm.

- Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ nhân lực phục vụ phát triển công nghiệp công nghệ số bình quân 1000 lượt người/năm; kết nối, hình thành đội ngũ, mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước về công nghệ số để dẫn dắt, thực hiện các nhiệm vụ của tỉnh.

- Năng suất lao động tăng tối thiểu 15% do doanh nghiệp áp dụng các nền tảng số phục vụ quản trị, sản xuất và kinh doanh⁵. Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số vào GRDP đạt 15-20%⁶.

3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Phát triển doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số gắn với định hướng của tỉnh

- Đổi mới hoạt động xúc tiến đầu tư cả trong nước và nước ngoài theo hướng chủ động, tạo cơ chế thông thoáng, linh hoạt gắn với các chính sách ưu đãi đặc thù nhằm thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và làm chủ công nghệ số chiến lược, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, dịch vụ số và dịch vụ hỗ trợ ngành công nghiệp số⁷ vào khu kinh tế, khu công nghiệp: Khu kinh tế Vũng Áng, khu công nghiệp VSIP Hà Tĩnh, khu công nghiệp Gia Lách,... qua đó hình thành các cụm liên kết ngành, Tổ hợp công nghiệp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghiệp công nghệ số.

- Thúc đẩy khởi nghiệp doanh nghiệp công nghệ số ứng dụng, chuyển giao, sản xuất sản phẩm công nghệ số gắn với nhu cầu định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực của tỉnh trong giai đoạn tới: Đô thị thông minh; công nghiệp, chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo; các ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược; logistics, cảng biển thông minh, cửa khẩu thông minh; thương mại, dịch vụ số; nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, cụ thể:

(i) Công nghệ số phục vụ xây dựng đô thị thông minh, tập trung vào: xây dựng và vận hành nền tảng dữ liệu dùng chung, các giải pháp giám sát, điều hành thông minh; camera tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghệ phân tích dữ liệu tại biên; dịch vụ quản trị, vận hành hệ thống các nền tảng số; đầu tư, phát triển hạ tầng số và các giải pháp phân tích dữ liệu lớn; nền tảng quản lý và điều hành bãi đỗ xe thông minh, thu phí không dừng, không dùng tiền mặt và các dịch vụ tiện ích số khác.

(ii) Công nghệ số phục vụ công nghiệp, chế biến, chế tạo và năng lượng tái tạo, tập trung vào: hệ thống tự động hóa và robot thông minh; IoT tích hợp AI phục vụ giám sát và kiểm soát dây chuyền sản xuất; các giải pháp và dịch vụ bảo

⁵ Theo mục tiêu cụ thể đến năm 2030 tại Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số ban hành tại Quyết định số 3090/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

⁶ Theo Chương trình số 42 Ctr/TU ngày 10/4/2025 của BTV Tỉnh ủy: đến năm 2030 đạt 20%, 2045 đạt 50%.

⁷ Sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm;; sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp công nghệ số; sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp công nghệ số (nguyên liệu, vật tư, linh kiện); thiết bị, linh kiện điện tử; hạ tầng số; ...

đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; các nền tảng quản lý nguồn lực tổng hợp, điều phối chuỗi cung ứng và dịch vụ sản xuất; công nghệ phát triển, lưu trữ và tối ưu hoá sự ổn định của năng lượng tái tạo.

(iii) Công nghệ số phục vụ logistics, cảng biển thông minh, cửa khẩu thông minh, tập trung vào: các giải pháp quản lý, điều hành thông minh; Internet vạn vật (IoT) tích hợp trí tuệ nhân tạo phục vụ thu thập dữ liệu, giám sát, kết nối chuỗi vận hành; công nghệ blockchain trong truy xuất, minh bạch hóa dữ liệu và tối ưu hóa chuỗi cung ứng.

(iv) Công nghệ số phát triển thương mại dịch vụ, tập trung vào: hỗ trợ thương mại điện tử cho sản phẩm địa phương; thúc đẩy thương mại biên giới và hoạt động xuất khẩu trên nền tảng số; phát triển du lịch thông minh; xây dựng, triển khai các nền tảng số phục vụ quản lý, kết nối và tối ưu hóa chuỗi cung ứng trong sản xuất, thương mại và xuất khẩu. Đồng thời, phát triển các giải pháp số trong lĩnh vực giáo dục (trường học số, căng tin số...), y tế và chăm sóc sức khỏe, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và đời sống người dân.

(v) Công nghệ số phục vụ nông nghiệp và môi trường, tập trung vào: xây dựng các giải pháp quản lý và tối ưu hoá phương án quy hoạch, khai thác đất đai, tài nguyên; hệ thống quản lý, phân tích, giám sát và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp theo hướng thông minh, chính xác, tối ưu nguyên liệu; thiết bị IoT hỗ trợ thu thập dữ liệu, phân tích dự báo thời tiết, phân tích kịch bản biến đổi khí hậu phục vụ sản xuất và quản lý; các giải pháp công nghệ giám sát, kiểm soát và dự báo tác động môi trường; các nền tảng số phục vụ mô hình xã nông thôn mới thông minh, hiện đại, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất và chất lượng đời sống khu vực nông thôn.

(vi) Công nghệ số các ngành công nghệ mới, công nghệ cao và công nghệ chiến lược, tập trung vào: nghiên cứu, làm chủ và chuyển giao các công nghệ lõi; thúc đẩy đổi mới sáng tạo gắn với các lĩnh vực ưu tiên như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, bán dẫn và các công nghệ số tiên tiến khác; hình thành các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số có giá trị gia tăng cao.

- Hình thành và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tỉnh; nghiên cứu đề xuất các cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, hỗ trợ lãi suất vay vốn, hỗ trợ tài chính thông qua các công cụ phù hợp (như voucher công nghệ) theo quy định pháp luật và khả năng ngân sách của tỉnh; dự án khởi nghiệp sáng tạo công nghệ số theo chính sách đặc thù của tỉnh.

- Thúc đẩy hình thành và phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng các doanh nghiệp sản xuất công nghệ số của tỉnh thông qua các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ số.

- Hỗ trợ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tạo môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ số mạnh dạn đổi mới sáng tạo, đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường.

3.2. Phát triển doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số

- Hình thành và phát triển các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trên địa bàn, bao gồm các dịch vụ: tư vấn, thiết kế, triển khai quản

lý, vận hành hệ thống; đào tạo, số hóa, xử lý dữ liệu; bảo hành, bảo trì, sửa chữa; xuất bản, phân phối sản phẩm công nghệ số; cung cấp sản phẩm công nghệ số dưới dạng dịch vụ và các dịch vụ công nghệ số khác.

- Khuyến khích các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh tham gia tiếp nhận, chuyển giao, ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm công nghệ chiến lược do tỉnh chủ trì nghiên cứu, làm chủ; thúc đẩy phát triển và đưa ra thị trường các sản phẩm công nghệ số nội địa.

- Áp dụng cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh có đủ năng lực chủ trì giải quyết các bài toán lớn của tỉnh, chú trọng các lĩnh vực công ích như: hành chính công, y tế, giáo dục, quản lý đô thị thông minh, môi trường, xã nông thôn mới thông minh, hiện đại; Trung tâm giám sát, điều hành thông minh IOC và các nền tảng phục vụ đồng bộ cho IOC; cửa khẩu thông minh; mô hình khu kinh tế/khu công nghiệp/cụm công nghiệp thông minh; căng tin số tại trường học; bản đồ số.

- Phát triển doanh nghiệp số gắn với thúc đẩy ngành logistics thông minh, áp dụng truy xuất nguồn gốc và thanh toán số.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, kênh thông tin kết nối để doanh nghiệp tỉnh tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu của các tập đoàn công nghệ lớn.

- Kết nối cung cầu và kích cầu tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số: tuyên truyền, quảng bá sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; tổ chức các hội chợ, triển lãm công nghệ số, phiên chợ công nghệ số, tuần lễ chuyển đổi số vùng, miền để hỗ trợ người dân, doanh nghiệp quảng bá, giới thiệu, tiếp cận, giao dịch sản phẩm, dịch vụ công nghệ số “Make in Hà Tĩnh”, “Make in VietNam”.

3.3. Phát triển hạ tầng số và hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số; thị trường và chuỗi cung ứng

- Khuyến khích các doanh nghiệp viễn thông nâng cấp hạ tầng viễn thông; tăng cường cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương và doanh nghiệp viễn thông trong triển khai phát triển hạ tầng số; tạo điều kiện thuận lợi theo quy định pháp luật để mở rộng vùng phủ sóng, phát triển hạ tầng băng rộng, chia sẻ hạ tầng và nâng cao chất lượng dịch vụ Internet băng thông rộng và mạng di động thế hệ mới của tỉnh đạt chuẩn quốc gia với độ phủ rộng khắp; triển khai các nền tảng điện toán đám mây, lưu trữ dữ liệu dùng chung và mô hình chia sẻ hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

- Thúc đẩy hợp tác, liên kết với các tập đoàn kinh tế lớn trong nước như Vingroup, FPT... nhằm tận dụng nguồn lực về công nghệ, nhân lực chất lượng cao và kinh nghiệm triển khai thực tiễn. Trên cơ sở đó, chủ động đặt hàng, mời gọi các tập đoàn tham gia đầu tư, hỗ trợ tỉnh trong nghiên cứu, phát triển và làm chủ các công nghệ trọng điểm. Từng bước hình thành và phát triển mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo gắn với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và doanh nghiệp.

- Ưu tiên áp dụng mô hình thuê dịch vụ điện toán đám mây, hợp tác công - tư hoặc thuê hạ tầng trung tâm dữ liệu đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế để phát triển Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, bảo đảm an toàn thông tin, tính sẵn sàng cao và khả năng dự phòng thảm họa; trường hợp cần thiết, xem xét đầu tư hạ tầng phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng cân đối nguồn lực.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản trị doanh nghiệp và hoạt động của chính quyền điện tử, hướng tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Hỗ trợ kinh phí mua sắm bản quyền phần mềm, nền tảng số dùng chung để hỗ trợ các doanh nghiệp công nghệ số nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ với chi phí thấp.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp công nghệ số tham gia phát triển, khai thác và vận hành Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, Trung tâm IOC và các nền tảng số dùng chung; ưu tiên các doanh nghiệp có giải pháp về phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, mô hình dự báo, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo các cấp.

- Đẩy mạnh hoạt động kết nối, hợp tác hình thành và phát triển Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo công nghệ số gồm: Trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ số, tổ chức trung gian, quỹ đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước.

- Phát triển khu làm việc chung (Co-working Space), Trung tâm đổi mới sáng tạo, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trong giai đoạn khởi nghiệp, ươm tạo, tăng tốc.

- Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nghiên cứu, tích hợp, thử nghiệm, ứng dụng công nghệ số phục vụ phát triển trong các ngành, lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, y tế, môi trường, giáo dục, du lịch và dịch vụ.

- Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ số theo hướng nghiên cứu ứng dụng nhằm đẩy nhanh quá trình thương mại hóa sản phẩm theo các chương trình khoa học và công nghệ của tỉnh.

- Nghiên cứu xây dựng Chương trình khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ số trong hoạt động sản xuất, quản trị kho bãi và chuỗi cung ứng; công nghệ số ứng dụng cho logistics, cảng biển thông minh; ứng dụng cho nông nghiệp thông minh; công nghiệp chế biến, chế tạo, năng lượng tái tạo và du lịch thông minh. Trọng tâm gồm: số hóa và tích hợp dữ liệu thông qua các hệ thống quản lý và điều hành; robot và tự động hóa, phương tiện vận hành tự hành; phát triển kết nối thông minh dựa trên IoT và nền tảng điện toán đám mây; ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phân tích dữ liệu nhằm tối ưu vận hành; triển khai công nghệ nhận diện và chứng từ điện tử không giấy tờ; nghiên cứu, áp dụng mô hình bản sao số (Digital Twin) và các nền tảng số phục vụ quản trị, điều hành hiệu quả.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Trang thông tin điện tử sản phẩm chủ lực của tỉnh, các hội chợ triển lãm của tỉnh; kết nối đưa sản phẩm công nghệ số tỉnh vào hệ thống phân phối và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Nghiên cứu phát triển và đưa vào ứng dụng các nền tảng công nghệ số như: shipper công nghệ số, học tiếng Anh qua app, căng tin số trong doanh nghiệp, trường học,...; đồng thời xây dựng các chương trình trải nghiệm dùng thử sản phẩm công nghệ thông qua phiếu hỗ trợ tài chính (voucher).

3.4. Phát triển nguồn nhân lực phục vụ doanh nghiệp công nghệ số

- Kết nối trí thức, nhà khoa học, đặc biệt là người Hà Tĩnh đang sinh sống và làm việc tại nước ngoài hướng về quê hương, tư vấn cho tỉnh nhiệm vụ phát triển doanh nghiệp công nghệ số và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương.

- Thông qua các cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao lĩnh vực công nghệ số, đặc biệt là con em người Hà Tĩnh tốt nghiệp tại các Trường Đại học uy tín về làm việc, đóng góp vào sự phát triển của tỉnh.

- Triển khai các chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp công nghệ số: tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn ngắn hạn, chuyên sâu về kỹ năng số, quản trị công nghệ, chuyển đổi số dành cho nhân sự của doanh nghiệp công nghệ số; tổ chức triển khai các chương trình đào tạo lại (Reskill) và đào tạo nâng cao (Upskill) để chuyển đổi nguồn nhân lực các ngành khác sang ngành công nghệ số và chuyển đổi giữa các lĩnh vực thuộc công nghệ số. Đồng thời, phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghiệp công nghệ số trong các cơ quan nhà nước: tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn nâng cao kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ số; nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ thu nhập tăng thêm đối với người làm công tác chuyên trách về công nghiệp công nghệ số theo vị trí việc làm.

- Phát huy vai trò, hoạt động của mạng lưới Trung tâm Đổi mới sáng tạo làm đầu mối thu hút, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học công nghệ số làm tư vấn, kỹ sư trưởng tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có gắn với đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ số. Chú trọng hợp tác với các tập đoàn công nghệ số (FPT, VNPT, Viettel,...) để phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kinh tế số, đô thị thông minh, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, “Lãnh đạo số” (Digital Leadership), doanh nghiệp trên địa bàn. Hệ thống này đóng vai trò là hạ tầng kỹ thuật và đầu mối kết nối, thúc đẩy thu hút các dự án công nghệ số quy mô lớn; hỗ trợ hoạt động hợp tác đào tạo, chuyển giao công nghệ, thử nghiệm và hoàn thiện sản phẩm.

- Hỗ trợ chuyên gia về công nghệ số thông qua cơ chế đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ giải quyết các bài toán thuộc lĩnh vực công nghệ số cho doanh nghiệp hoặc theo cơ chế chuyên gia quy định tại các Nghị định: số 231/NĐ-CP ngày 26/8/2025, số 249/2025/NĐ-CP ngày 19/9/2025 của Chính phủ.

- Tăng cường thực hiện mô hình liên kết 3 nhà (nhà nước - nhà trường, viện nghiên cứu - doanh nghiệp) trong lĩnh vực công nghệ số nhằm hình thành môi trường nghiên cứu, phát triển, ứng dụng công nghệ số thực chất, hiệu quả, sôi động, từ đó thu hút nguồn nhân lực công nghệ số trong và ngoài nước tham gia.

- Xây dựng, thử nghiệm chương trình đào tạo, định hướng nghề về lĩnh vực công nghệ số trong các trường THPT trên địa bàn tỉnh nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực bước đầu cho công nghệ số.

- Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng công nghệ thông tin, công nghệ số chuyên sâu cho nguồn nhân lực của doanh nghiệp công nghệ số; ưu tiên các lĩnh vực công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an toàn thông tin, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng nhu cầu phát triển của doanh nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ quản lý các cấp, lực lượng doanh nghiệp và toàn xã hội, đặc biệt là lực lượng lao động trẻ, các bạn sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh về phát triển và ứng dụng công nghệ số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, chất lượng sản phẩm, năng lực cạnh tranh góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3.5. Cơ chế, chính sách

3.5.1. Về cơ chế

- Nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để hình thành và phát triển thị trường công nghệ số thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh thông qua việc ưu tiên đặt hàng nhiệm vụ ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo giải quyết các bài toán trong hoạt động của chính quyền số 2 cấp; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng công nghệ số mạnh mẽ trong quản lý nguồn lực, sản xuất và xúc tiến thương mại, đặc biệt là ứng dụng trong các dây chuyền sản xuất, quản trị kho bãi và chuỗi cung ứng.

- Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng, hỗ trợ nghiên cứu, làm chủ công nghệ, thử nghiệm và chuyển giao ứng dụng các sản phẩm chiến lược phù hợp với thực tiễn của tỉnh; thường xuyên rà soát, điều chỉnh kịp thời theo xu hướng phát triển công nghệ số, bảo đảm phù hợp với định hướng chiến lược và thực tiễn của tỉnh.

- Kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ hiện có để hỗ trợ trực tiếp lĩnh vực công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số khi đủ điều kiện theo quy định.

- Hàng năm rà soát, ban hành danh mục các dự án công nghệ số trọng điểm để thu hút đầu tư; ban hành Danh mục đặt hàng, hỗ trợ các bài toán lớn của tỉnh cần giải quyết bằng công nghệ số; đồng thời nghiên cứu thiết lập cơ chế linh hoạt đặt hàng - giao nhiệm vụ - thuê dịch vụ để các tổ chức, doanh nghiệp có năng lực tham gia. Hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số tham gia xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế; thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ công nghệ số ra thị trường toàn cầu.

- Xây dựng Kế hoạch đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo nhằm ươm tạo doanh nghiệp công nghệ số Hà Tĩnh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận không gian làm việc, cố vấn, đầu tư mạo hiểm, thử nghiệm sản phẩm.

3.5.2. Về chính sách

- Triển khai áp dụng hiệu quả các cơ chế, chính sách ưu đãi, đặc thù của Trung ương về đầu tư, thuế, đất đai, nhân lực chất lượng cao và các chính sách có liên quan đối với doanh nghiệp công nghệ số; doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ, sản xuất sản phẩm phụ trợ cung cấp dịch vụ công nghệ số.

- Nghiên cứu, tham mưu bổ sung các chính sách đột phá của tỉnh để hỗ trợ, thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

+ Chính sách thu hút, hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà máy, hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị, máy móc cho các dự án: sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; xây dựng trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo; nghiên cứu và phát triển, thiết kế, sản xuất sản phẩm công nghệ chiến lược; sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghệ chiến lược⁸.

+ Chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghệ số chất lượng cao; hỗ trợ nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, kiểm thử sản phẩm công nghệ chiến lược; hỗ trợ tư vấn khởi nghiệp; hỗ trợ mua công nghệ, đổi mới công nghệ cho dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số⁹.

+ Chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghệ số¹⁰; hỗ trợ kinh phí để sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ cho dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp số và dự án sản xuất thiết bị điện tử¹¹.

+ Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực công nghệ số làm việc tại các dự án: nghiên cứu, sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; hệ thống trí tuệ nhân tạo¹².

+ Chính sách hỗ trợ mua bản quyền sáng chế, hỗ trợ chuyển giao, đổi mới công nghệ, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; hỗ trợ lãi suất vay, phiếu hỗ trợ tài chính (voucher) thông qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

+ Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chi phí tư vấn, thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số về quy trình kinh doanh, quy trình quản trị, quy trình sản xuất, quy trình công nghệ và chuyển đổi mô hình kinh doanh.

+ Chính sách phát triển hệ sinh thái hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số như: mạng lưới Trung tâm đổi mới sáng tạo, vườn ươm/khu làm việc chung/trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ chuyên gia, tư vấn; hợp tác quốc tế; đào tạo, truyền thông và các sự kiện, hoạt động phát triển hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp; hỗ trợ quảng bá, sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

⁸ Khoản 4 Điều 28 và Khoản 2 Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số.

⁹ Khoản 2 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số

¹⁰ Điều 39 Luật Công nghiệp công nghệ số.

¹¹ Điều 40 Luật Công nghiệp công nghệ số.

¹² Khoản 3 Điều 18 Luật Công nghiệp công nghệ số.

4. Kinh phí

Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí từ các nguồn ngân sách nhà nước theo quy định luật ngân sách nhà nước; đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

5. Tổ chức thực hiện

5.1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối tổng hợp, điều phối, tổ chức hoạt động phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; đề xuất kinh phí và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành. Định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch với Bộ Khoa học và Công nghệ, UBND tỉnh theo quy định.

- Nghiên cứu, tham mưu ban hành và tổ chức triển khai thực hiện các chính sách đồng bộ, đột phá của tỉnh về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Đẩy nhanh tiến độ đưa Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh vào vận hành và từng bước nâng cấp nền tảng điện toán đám mây; tăng cường công tác quản lý, phối hợp với các doanh nghiệp viễn thông để xây dựng lộ trình đầu tư, nâng cấp hạ tầng viễn thông đạt chuẩn quốc gia; chia sẻ hạ tầng giữa các doanh nghiệp viễn thông nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ hoạt động quản lý nhà nước.

- Tham mưu thành lập Trung tâm/Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh; thúc đẩy hình thành và phát triển mạng lưới đổi mới sáng tạo, hạ tầng khởi nghiệp đổi mới sáng tạo nhằm hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ số trong giai đoạn khởi nghiệp, ươm tạo, tăng tốc.

- Tham mưu phương án kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động Quỹ Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh.

- Hỗ trợ triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực công nghệ số. Xây dựng kế hoạch đặt hàng nghiên cứu, làm chủ công nghệ thiết kế, tích hợp, chế tạo, thử nghiệm và đưa vào sử dụng các sản phẩm công nghệ chiến lược tỉnh được giao chủ trì nghiên cứu.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Danh mục đặt hàng các bài toán lớn của tỉnh cần giải quyết bằng công nghệ số; nghiên cứu thiết lập cơ chế linh hoạt đặt hàng - giao nhiệm vụ - thuê dịch vụ để các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có năng lực tham gia.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số theo các cấp độ cho lực lượng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hàng năm, phối hợp với Sở Tài chính rà soát, tham mưu danh mục các dự án công nghệ số trọng điểm để thu hút đầu tư.

5.2. Sở Tài chính

- Tham mưu phương án kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ.

- Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư và cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm trong đó định hướng thu hút một số dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ số; phát triển nền tảng hạ tầng số quan trọng, góp phần hình thành hệ sinh thái công nghệ số trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì xây dựng Đề án phát triển doanh nghiệp đến năm 2030 trong đó ưu tiên phát triển doanh nghiệp công nghệ số, tạo mạng lưới liên kết chuỗi cung ứng công nghệ giữa doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù thu hút doanh nghiệp công nghệ số, trong đó ưu tiên thu hút doanh nghiệp lớn đầu tư nghiên cứu và phát triển sản phẩm công nghệ số chiến lược.

5.3. Sở Công Thương

- Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm công nghệ số theo chương trình hàng năm; tuyên truyền, khuyến khích, ưu tiên sử dụng sản phẩm công nghệ số của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, xây dựng và triển khai Chương trình chuyển đổi số trong các cụm công nghiệp nhằm hình thành mô hình cụm công nghiệp thông minh; chỉ đạo các cụm công nghiệp ưu tiên thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghiệp phụ trợ cho công nghiệp công nghệ số.

- Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao công nghệ số trong hoạt động sản xuất, quản trị kho bãi và chuỗi cung ứng; công nghệ số ứng dụng cho logistics và cảng biển thông minh; công nghiệp chế biến chế tạo; năng lượng tái tạo.

- Tham mưu, xây dựng lộ trình đầu tư cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh, đồng bộ cho các cụm công nghiệp làm lợi thế để thu hút đầu tư.

5.4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan nghiên cứu, lồng ghép nội dung phát triển nguồn nhân lực công nghệ số vào Đề án “Phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 -2030”; lồng ghép xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

5.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì, xây dựng và triển khai Chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; hình thành các mô hình sản xuất nông nghiệp thông minh; triển khai ứng dụng công nghệ số trong hệ thống quan trắc và giám sát môi trường; xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu, bản đồ số lĩnh vực nông nghiệp.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu phương án triển khai thực hiện các nhiệm vụ xây dựng xã nông thôn mới thông minh, hiện đại.

5.6. Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng và triển khai chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực xây dựng, giao thông; thúc đẩy ứng dụng các nền tảng số: hệ thống quản lý giao thông thông minh, thanh toán điện tử trong vận tải công cộng, quản lý bãi đỗ xe thông minh và các giải pháp số phục vụ vận tải, logistics...

- Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị liên quan xây dựng Đề án đô thị thông minh và tổ chức, triển khai thực hiện theo quy định.

5.7. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch liên kết đào tạo, hợp tác với trường viện, doanh nghiệp trong và ngoài nước đào tạo nhân lực công nghệ số; đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

- Xây dựng, thử nghiệm chương trình đào tạo, định hướng nghề về lĩnh vực công nghệ số trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực bước đầu cho công nghệ số.

5.8. Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh

- Chủ trì, phối hợp tham mưu đầu tư, nâng cấp hoàn thiện về cơ sở hạ tầng các Khu Kinh tế, Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có kết nối với khu vực nhằm hoàn thiện môi trường thu hút đầu tư.

- Chủ trì xây dựng và triển khai Chương trình chuyển đổi số khu kinh tế, khu công nghiệp theo hướng xanh, sạch, thông minh; phân đấu mỗi Khu kinh tế, khu công nghiệp có bố trí không gian để hình thành Trung tâm đổi mới sáng tạo khi đủ điều kiện.

- Ưu tiên thu hút các doanh nghiệp công nghệ số, tập đoàn công nghệ đầu tư hoạt động trong khu kinh tế, khu công nghiệp và liên kết nghiên cứu với các Trung tâm nghiên cứu và phát triển, Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, Trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Định hướng, ưu tiên thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp có tiềm lực tài chính và làm chủ công nghệ số, doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ ngành công nghiệp số¹³ vào khu kinh tế, các khu công nghiệp qua đó hình thành các cụm liên kết ngành, từng bước tham gia sâu vào chuỗi giá trị công nghiệp công nghệ số, trở thành động lực phát triển, định hướng dẫn dắt ngành công nghệ số của tỉnh.

- Chủ trì rà soát quy hoạch và bố trí quỹ đất phù hợp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp để thu hút, phát triển các dự án công nghệ số.

¹³ Sản xuất sản phẩm công nghệ số trọng điểm; sản xuất sản phẩm chip bán dẫn; sản xuất nguyên liệu, vật liệu cho công nghiệp bán dẫn; sản xuất nguyên liệu, vật liệu, thiết bị, máy móc, công cụ cho công nghiệp bán dẫn; sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn (nguyên liệu, vật tư, linh kiện); thiết bị, linh kiện điện tử; trung tâm dữ liệu; hạ tầng số;...

- Phối hợp tổ chức các hoạt động kết nối doanh nghiệp, diễn đàn xúc tiến đầu tư, hội thảo chuyên đề về công nghệ số trong khu kinh tế, khu công nghiệp nhằm thu hút các nhà đầu tư, tập đoàn công nghệ lớn.

- Phối hợp các trường đào tạo, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan xây dựng mô hình đào tạo nhân lực công nghệ số tại các khu kinh tế, khu công nghiệp; gắn công tác đào tạo với tuyển dụng.

5.9. Trường Đại học, các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh

5.9.1. Trường Đại học Hà Tĩnh

- Tham mưu thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trực thuộc trường Đại học Hà Tĩnh để thúc đẩy hoạt động đào tạo, ươm tạo các dự án khởi nghiệp sáng tạo thuộc lĩnh vực công nghệ số trong học sinh, sinh viên.

- Phát huy vai trò, làm đầu mối thu hút, kết nối các chuyên gia, nhà khoa học công nghệ số làm tư vấn, kỹ sư trưởng tham gia triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo có gắn với đào tạo nguồn nhân lực về công nghệ số.

- Lồng ghép, khai thác hoạt động đào tạo, phát triển nguồn nhân lực công nghệ số thông qua hoạt động hợp tác liên kết nhà trường – viện nghiên cứu - doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ số.

- Nghiên cứu, tham mưu đưa nội dung kỹ năng số, an toàn thông tin, tư duy số gắn với các công nghệ số vào hệ thống giáo dục phổ thông và đào tạo nghề nhằm phổ cập kiến thức về vai trò, chức năng của các công nghệ số, qua đó định hướng tính đa dụng về ứng dụng trong cộng đồng.

5.9.2. Các Trường cao đẳng nghề

Xây dựng lộ trình phát triển các ngành, nghề đào tạo về công nghệ số hoặc xây dựng liên kết về đào tạo ngành nghề công nghệ số.

5.10. Các sở, ngành và địa phương

- Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao và khả năng cân đối nguồn lực, xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nội dung Kế hoạch, gửi đề xuất về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, gửi Sở Tài chính soát xét, tham mưu trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Chủ động triển khai các nội dung của Kế hoạch trong lĩnh vực quản lý của ngành và địa phương; lồng ghép các nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch vào chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của ngành, địa phương nhằm phát triển công nghiệp công nghệ số và doanh nghiệp công nghệ số.

- Tăng cường đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số của tỉnh và ứng dụng các sản phẩm công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, quản trị của ngành, lĩnh vực và địa phương, góp phần kích cầu để các doanh nghiệp công nghệ số phát triển sản phẩm, ứng dụng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò đột phá của doanh nghiệp công nghệ số và tính ưu việt của áp dụng công nghệ số.

- Thực hiện công bố, chia sẻ dữ liệu của các sở, ban, ngành (không thuộc phạm vi bí mật nhà nước) để cộng đồng doanh nghiệp khai thác, phát triển sản phẩm.

5.11. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn

- Thông tin kịp thời, hướng dẫn, kết nối cộng đồng doanh nghiệp hội viên tham gia triển khai thực hiện Kế hoạch; khuyến khích các doanh nghiệp có năng lực nghiên cứu, phát triển chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp công nghệ số hoặc phát triển thành doanh nghiệp công nghệ số.

- Khuyến khích Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số và các đơn vị có liên quan nghiên cứu việc thành lập “Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ” với nguồn vốn huy động từ xã hội theo quy định hiện hành.

- Các doanh nghiệp công nghệ số chủ động bố trí nguồn lực, tích cực tham gia triển khai các nội dung liên quan của Kế hoạch phù hợp với khả năng, phương án kinh doanh và điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030, UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh;
- UBND các xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Hội doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Hà Tĩnh;
- Các doanh nghiệp BCVT, CNTT;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX1. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Báu Hà

PHỤ LỤC I
DANH MỤC NHIỆM VỤ GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2026 - 2030
(kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
1.	Nghiên cứu, tham mưu ban hành các chính sách đặc thù của tỉnh về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số nhằm hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương liên quan	Năm 2026	Nghị quyết chính sách về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
2.	Nghiên cứu xây dựng, ban hành chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao về công nghệ số	Sở Nội vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành; địa phương liên quan	Năm 2026	Nghị quyết chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh
3.	Có giải pháp tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các thủ tục hành chính về: Đầu tư, đất đai, giải phóng mặt bằng, môi trường, xây dựng,...đối với các dự án thu hút đầu tư về công nghệ số	Sở Tài chính; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Xây dựng	Các sở, ban, ngành; địa phương liên quan	Thường xuyên	Chủ trương đặc thù về giải quyết các thủ tục hành chính đối với các dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ số
4.	Xây dựng và triển khai cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ, thuê dịch vụ cho doanh nghiệp công nghệ số có năng lực tham gia	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương liên quan; các tổ chức/doanh nghiệp	Hàng năm	Phấn đấu mỗi năm có 2-3 bài toán lớn của các ngành, lĩnh vực được triển khai.
5.	Xây dựng chương trình xúc tiến đầu tư và cập nhật danh mục dự án thu hút đầu tư hàng năm trong đó định hướng thu hút một số dự án đầu tư thuộc lĩnh vực công nghệ số,	Sở Tài chính	Sở Ngoại vụ, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, các sở ngành liên quan	Hàng năm	Chương trình xúc tiến đầu tư hàng năm và giai đoạn. Đến năm 2030, phấn đấu thu hút được 3-5 dự án về

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào tổ hợp công nghệ cao và đổi mới sáng tạo; phát triển nền tảng hạ tầng số quan trọng, góp phần hình thành hệ sinh thái công nghệ số trên địa bàn tỉnh				công nghệ số hoặc phụ trợ công nghệ số.
6.	Định hướng các Khu kinh tế, Khu công nghiệp ưu tiên thu hút doanh nghiệp công nghệ số và bố trí quỹ đất hình thành không gian/trung tâm đổi mới sáng tạo	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030	Dự án đầu tư công nghệ số và hỗ trợ công nghệ số được thu hút, hoạt động
7.	Tham mưu phương án kiện toàn và nâng cao hiệu quả Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Tư pháp và các sở, ngành liên quan	Năm 2026-2027	Phương án kiện toàn Quỹ phù hợp
8.	Công bố danh mục bài toán chuyển đổi số của tỉnh theo lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan	Hàng năm	Quyết định ban hành Danh mục bài toán chuyển đổi số hàng năm
9.	Hoàn thiện Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương; cơ quan đơn vị liên quan	Năm 2026-2027	Cổng dữ liệu mở
10.	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý Khu công nghiệp, giám sát môi trường, IoT (cho nông nghiệp công nghệ cao và logistics)	Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan	Năm 2026 – 2030	Sản phẩm/Ứng dụng AI, IoT
11.	Thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong các ngành lĩnh vực: Đô thị thông minh; công nghiệp, năng	Các sở chuyên ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; UBND các xã	Hàng năm	Có 10–15 sản phẩm/giải pháp/mô hình ứng dụng

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	lượng, chế biến, chế tạo; các ngành công nghiệp mới, công nghệ cao, công nghệ xanh; xây dựng hệ thống cảng biển số; cửa khẩu số; phát triển thương mại, dịch vụ số; nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu, cảng tin số, bệnh án số		phường và doanh nghiệp		công nghệ số tiêu biểu của ngành, lĩnh vực.
12.	Tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số của tỉnh. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia Trang thông tin điện tử sản phẩm chủ lực của tỉnh, các hội chợ triển lãm của tỉnh; kết nối đưa sản phẩm công nghệ số tỉnh vào hệ thống phân phối và chuỗi cung ứng toàn cầu	Sở Công thương	Sở Ngoại vụ, các sở, ngành liên quan; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	2026-2030	Chương trình/kế hoạch xúc tiến thương mại giai đoạn và hằng năm. Phấn đấu đến năm 2030 phấn đấu 80-90% sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu có mặt trên nền tảng thương mại điện tử
13.	Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghệ số bản địa và doanh nghiệp chuyển đổi số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan; Hiệp hội doanh nghiệp	2026-2030	Phấn đấu 50–100 Doanh nghiệp công nghệ số mỗi năm
14.	Thúc đẩy phát triển hạ tầng số đáp ứng yêu cầu phát triển doanh nghiệp số	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; các doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030	Kho dữ liệu của tỉnh được vận hành; hạ tầng viễn thông, internet 5G/6G đáp ứng yêu cầu

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
15.	Nghiên cứu, từng bước hình thành mạng lưới Trung tâm/Không gian đổi mới sáng tạo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành liên quan; các doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030	Mạng lưới đổi mới sáng tạo được hình thành, hỗ trợ các dự án khởi nghiệp công nghệ số
16.	Phát triển hoạt động khởi nghiệp sáng tạo và khởi nghiệp công nghệ số. Chú trọng hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ số thông qua các hoạt động: đào tạo phát triển nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số; thu hút nguồn nhân lực công nghiệp công nghệ số chất lượng cao, nhân tài công nghệ số; nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm; tư vấn khởi nghiệp; mua công nghệ và đổi mới công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn Thanh niên tỉnh, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	2026-2030	Tổ chức cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo; các sự kiện kết nối đổi mới sáng tạo
17.	Hỗ trợ triển khai cơ chế thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số tạo môi trường pháp lý thuận lợi để doanh nghiệp công nghệ số mạnh dạn đổi mới sáng tạo, đưa sản phẩm, dịch vụ ra thị trường	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, Sở Công thương và các đơn vị liên quan	2028-2030	Thực hiện cấp phép thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng công nghệ số.
18.	Nghiên cứu thành lập Trung tâm đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trực thuộc Trường Đại	Trường Đại học Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Ngoại	Năm 2026	Trung tâm Đổi mới sáng tạo AI;

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
	học Hà Tĩnh;; kết nối hoạt động đào tạo và chuyên gia, nhà khoa học lĩnh vực công nghệ số.		vụ, Sở Giáo dục đào tạo, Sở Nội vụ		
19.	Xây dựng, thử nghiệm chương trình đào tạo, định hướng nghề về lĩnh vực công nghệ số trong các trường trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh nhằm chuẩn bị nguồn nhân lực bước đầu cho công nghệ số	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các Sở, ngành, viện, trường liên quan	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030	Chương trình đào tạo, định hướng nghề về lĩnh vực công nghệ số trong các trường trung học phổ thông
20.	Phát triển nguồn nhân lực công nghệ số: Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đào tạo xây dựng và triển khai kế hoạch liên kết đào tạo, hợp tác với trường viện, doanh nghiệp trong và ngoài nước đào tạo nhân lực công nghệ số; đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Hà Tĩnh, Sở Nội vụ	Hàng năm, giai đoạn 2026-2030	Ngành nghề đào tạo công nghệ số trong các Trường đại học, cao đẳng
21.	Triển khai các chương trình bồi dưỡng, tập huấn nâng cao kỹ năng số theo các cấp độ cho lực lượng lao động trong các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh	Hàng năm	Các khóa đào tạo nhân lực số theo nhiều cấp độ
22.	Triển khai chương trình đào tạo “Lãnh đạo số” cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các sở ngành, địa phương, doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành; địa phương; doanh nghiệp liên quan	Hàng năm	Các khóa đào tạo nhân lực số theo nhiều cấp độ

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả/sản phẩm
23.	Nghiên cứu tham mưu phương án triển khai mô hình xã nông thôn mới thông minh, hiện đại.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; UBND các xã phường và doanh nghiệp	2027-2030	Mô hình xã nông thôn mới thông minh, hiện đại được hoàn thiện làm cơ sở nhân rộng
24.	Triển khai mô hình đô thị thông minh gắn với các ứng dụng số: Thanh toán vé điện tử giao thông công cộng, bãi đỗ xe thông minh, shipper công nghệ số,....	Sở Xây dựng	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính; UBND các xã phường và doanh nghiệp	2027-2030	Mô hình đô thị thông minh được hoàn thiện làm cơ sở nhân rộng
25.	Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về công nghệ số. Triển khai hỗ trợ ứng dụng công nghệ số phát triển du lịch thông minh.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Báo và Phát thanh, truyền hình Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường; Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh	2026-2030	Chương trình tuyên truyền
26.	Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực công nghệ số; ký kết bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác quốc tế với tổ chức, doanh nghiệp về hợp tác phát triển công nghệ số.	Sở Ngoại vụ	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành liên quan	2026-2030	Chương trình hợp tác quốc tế về phát triển công nghệ số
27.	Xây dựng kế hoạch đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ nhằm nghiên cứu, làm chủ các công nghệ cốt lõi trong thiết kế, tích hợp, chế tạo, thử nghiệm và triển khai ứng dụng các sản phẩm công nghệ chiến lược do tỉnh chủ trì.	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ KH và CN, các sở, ban, ngành liên quan; các viện, trường, tổ chức, doanh nghiệp	Hàng năm	Kế hoạch đặt hàng

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM VỀ CÔNG NGHỆ SỐ
PHỤC VỤ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Hình thức đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
I	Nhóm dự án liên quan đến hạ tầng, nền tảng				
1	Kho dữ liệu dùng chung tỉnh Hà Tĩnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Ngân sách + thuê dịch vụ	2026-2030	Theo Kế hoạch CDS năm 2026
2	Trung tâm điều hành thông minh (IOC) tỉnh Hà Tĩnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ngân sách + thuê dịch vụ	2026-2028	Theo Kế hoạch CDS năm 2026
3	Hạ tầng viễn thông, phủ sóng 5G/6G toàn tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các doanh nghiệp viễn thông đầu tư	2026-2030	
4	Thí điểm xây dựng đô thị thông minh.	Sở Xây dựng	Ngân sách + thuê dịch vụ	2027-2030	
5	Thí điểm xây dựng xã nông thôn mới thông minh, hiện đại.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngân sách + thuê dịch vụ	2026	Theo Kế hoạch CDS năm 2026
6	Thí điểm xây dựng cụm công nghiệp thông minh.	Sở Công thương	Ngân sách + thuê dịch vụ	2027-2030	
7	Trung tâm/Không gian đổi mới sáng tạo tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Ngân sách/PPP	2026-2030	
II	Nhóm dự án thu hút đầu tư liên quan đến công nghệ số				
1	Nhóm dự án đầu tư sản xuất phần mềm thuộc danh mục sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trọng điểm bao gồm:	Cơ quan có thẩm quyền tham mưu	Các doanh nghiệp đầu tư	2026-2030	

TT	Tên dự án	Cơ quan chủ trì	Hình thức đầu tư	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Trí tuệ nhân tạo, bản sao số, thực tế ảo/thực tế tăng cường; Điện toán đám mây, dữ liệu lớn; Chuỗi khối (Blockchain).	hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư			
2	Nhóm dự án sản xuất thiết bị, linh kiện điện tử				
3	Nhóm dự án về công nghệ an toàn an ninh mạng				
4	Nhóm dự án sản xuất vật liệu phục vụ cho công nghiệp công nghệ số.				